

Số: 468/BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 18 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022

Thực hiện Thông báo số 42/TB-HĐND ngày 13/6/2022 của HĐND huyện Tuần Giáo về kết quả phiên họp thứ 8 của Thường trực HĐND huyện, khóa XXI nhiệm kỳ 2021-2026.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo tình hình thực hiện Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh tháng 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

A. TÌNH HÌNH CHUNG

I. THUẬN LỢI

- Huyện tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Thường trực HĐND, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nhân dân các dân tộc đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được triển khai mạnh mẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội.

II. KHÓ KHĂN

- Tình hình thời tiết (gió lốc, sét, mưa kéo dài) và dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến sản xuất, việc làm, thu nhập và đời sống của nhân dân.

- Giá các mặt hàng xăng, dầu, thép và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

- Nguồn lực cho đầu tư phát triển mặc dù đã được quan tâm, tăng cường song vẫn còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư của huyện.

- Một bộ phận nhân dân nhất là người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức, quyết tâm phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

1.1. Trồng trọt

- Tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các xã, thị trấn tích cực hướng dẫn người dân gieo trồng cây trồng bảo đảm lịch thời vụ; tăng cường công tác phòng, chống sâu bệnh trên cây trồng. Kết quả gieo trồng một số cây trồng chính như sau:

+ Lúa xuân gieo cấy được 1.100,3 ha, đạt 101% KH, giảm 20 ha so với cùng kỳ năm trước; năng suất đạt 58 tạ/ha, giảm 02 tạ/ha so cùng kỳ năm trước¹; sản lượng đạt 6.381,7 tấn, đạt 98,4% KH, giảm 340,1 tấn so cùng kỳ năm trước.

+ Lúa nương gieo trồng được 2.800 ha, đạt 96,6% KH, giảm 500 ha so cùng kỳ năm trước.

+ Ngô xuân gieo trồng được 5.954 ha, đạt 98,4% KH, giảm 596 ha so cùng kỳ năm trước.

+ Lạc xuân gieo trồng được 105 ha, đạt 105% KH, tăng 05 ha so với cùng kỳ năm trước; năng suất đạt 9 tạ/ha, bằng cùng kỳ năm trước; sản lượng đạt 94,5 tấn, đạt 105% KH, tăng 4,5 tấn so cùng kỳ năm trước.

- Chăm sóc, bảo vệ cây công nghiệp dài ngày và một số cây trồng khác gồm: 1.291,9 ha cao su, 370,6 ha cà phê, 1.414 ha mắc ca, 83,5 ha cây thảo quả, 140 ha cây sa nhân và 206 ha cây táo mèo....

1.2. Chăn nuôi, thủy sản

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các biện pháp kỹ thuật trong phòng, chống dịch bệnh và dự trữ thức ăn cho đàn vật nuôi; đặc biệt chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên môn tăng cường xuống cơ sở kiểm tra và hướng dẫn công tác phòng, chống đói rét cho vật nuôi. Đàn gia súc, gia cầm phát triển bình thường, không có dịch bệnh xảy ra với tổng đàn gia súc đạt 88.123 con, đạt 98,7% KH (trong đó: Đàn trâu đạt 18.660 con; đàn bò đạt 18.325 con; đàn lợn đạt 51.138 con). Tổng đàn gia cầm đạt 976.345 con, đạt 102,8% KH.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 295 ha, đạt 100% KH, sản lượng đạt 197,6 tấn, đạt 45% KH.

1.3. Lâm nghiệp

- Quản lý, bảo vệ tốt trên 42.000 ha rừng hiện còn. Tập trung chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường lực lượng kiểm lâm bám sát cơ sở, nắm bắt

¹ Năng suất lúa giảm do thời điểm thu hoạch gặp đợt mưa lớn kéo dài làm lúa đổ, rụng hạt.

thông tin, tăng cường công tác tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức 24 lượt tuyên truyền trực tiếp nhằm nâng cao ý thức của người dân bảo vệ rừng, nhất là việc phòng cháy chữa cháy rừng với 1.177 lượt người tham gia; tổ chức 161 lượt tuần tra rừng. Phát hiện 14 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (giảm 21 vụ so với cùng kỳ năm trước), thu giữ 17,53 m³ gỗ các loại, 05 xe máy; củng cố hồ sơ, xử lý xong 08 vụ, xử phạt vi phạm thu nộp ngân sách 56,2 triệu đồng; tiếp tục điều tra xác minh 06 vụ.

- Các cơ quan, đơn vị và các xã chuẩn bị xong các điều kiện để trồng 50 ha rừng phòng hộ, 16,88 ha rừng thay thế và 20 ha trồng lâm sản ngoài gỗ; khoán bảo vệ 42.819,2 ha rừng; khoanh nuôi tái sinh chuyển tiếp 5.476 ha; khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên mới năm 2022 đạt 313 ha, đạt 44,7% KH². Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

1.4. Công tác xây dựng nông thôn mới

Triển khai kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022. Tăng cường chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã phối hợp rà soát, xây dựng kế hoạch duy trì, củng cố, nâng cao các tiêu chí đã đạt và xây dựng các tiêu chí phân đầu hoàn thành trong năm 2022. Đến nay toàn huyện có 09 xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên (trong đó 05 xã đã được UBND tỉnh công nhận xã cơ bản đạt chuẩn NTM), bình quân số tiêu chí/xã đạt 13,78 tiêu chí và chỉ còn xã Pú Xi đạt dưới 10 tiêu chí; 05 bản đạt bản nông thôn mới (gồm: Bản Tân Lập, bản Ta xã Quài Tở; bản Xóm Chợ xã Mùn Chung; bản Sái Trong xã Quài Cang và bản Rạng Đông xã Rạng Đông).

1.5. Công tác thủy lợi, nước sinh hoạt và phòng chống thiên tai

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thực hiện quản lý tốt nguồn nước, bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Hoàn thiện bộ máy của các Tổ chức thủy lợi cơ sở để tiếp nhận quản lý khai thác các công trình thủy lợi theo mô hình HTX (đến nay trên địa bàn có 6/16 xã có công trình thủy lợi đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở).

- Kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022 và thành lập (hoặc kiện toàn) Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã. Duy trì công tác trực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cập nhật thông tin dự báo thời tiết thông báo tới các xã chủ động phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại³; kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân.

² UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn tăng cường công tác tuyên truyền, lựa chọn địa điểm và thiết kế diện tích KNTS để đảm bảo kế hoạch giao.

³ Thiệt hại đến nay thiên tai đã làm chết 01 người chết (do sét đánh); 34 ngôi nhà bị tốc mái, 8 ngôi nhà bị đất, đá tràn vào; 42,56 ha lúa, hoa màu và 0,13 ha thủy sản bị thiệt hại; 23 con trâu, bò bị chết rét, 01 con chết do sét đánh; 01 cột điện đổ; 01 cống nước bị đất đá vùi lấp và 50 rọ đá bị hỏng; sạt lở 263,6 m đường với khối lượng đất đá khoảng 2.620 m³.

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng và quy hoạch đô thị

2.1. Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Chỉ đạo thực hiện tốt sản xuất công nghiệp trên địa bàn, cụ thể: Nước máy sản xuất đạt 348.000 m³; gạch các loại đạt 10,8 triệu viên; đá khai thác đạt 15.000 m³; sản lượng điện đạt 66.500 MW.

- Duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống, các ngành tiểu thủ công nghiệp như: xay xát, dệt vải, đồ thổ cẩm, công cụ cầm tay...

2.2. Đầu tư - Xây dựng

- Chỉ đạo Ban Quản lý dự án các công trình huyện đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư; các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thẩm định và công tác giải phóng mặt bằng để triển khai thi công các công trình, dự án bảo đảm tiến độ. Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình; tạm ứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và tổ chức bàn giao các công trình đã hoàn thành để đưa vào sử dụng; lập, thẩm định và phê duyệt quyết toán các công trình hoàn thành. Kết quả thực hiện:

- + Khối lượng thực hiện đạt 34,3 tỷ đồng;
- + Giá trị giải ngân đạt 52,4 tỷ đồng, đạt 68,8% KH vốn.

(Chi tiết có Phụ biểu 02 kèm theo)

- Phê duyệt quyết toán được 35 công trình hoàn thành.

2.3. Công tác quy hoạch

- Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Tuần Giáo⁴. Nghiên cứu, tham gia ý kiến vào Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của huyện được tích hợp trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị, đầu tư xây dựng và cấp phép xây dựng cho 14 trường hợp xây dựng nhà ở tư nhân trên địa bàn thị trấn Tuần Giáo.

3. Công tác quản lý tài nguyên - môi trường

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tăng cường quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013. Thực hiện giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 10 công trình, dự án và giải quyết các vụ tranh chấp đất đai trên địa bàn. Tổ chức đo đạc được 4.724,39 ha đất lâm nghiệp (trong đó: 1.816,09 ha đất có rừng và 2.908,3 ha đất không có rừng); lũy kế đã đo đạc được 11.803,33 ha (trong đó: 5.825,06 ha đất có rừng; 5.978,27 ha đất

⁴ Gồm: Khu đất trụ sở UBND thị trấn; Khu đất phòng Văn hóa – Thông tin và khu chiếu phim; Khu đất xen kẹt khối Tân Giang; Khu dân cư số 1 thị trấn Tuần Giáo.

không có rừng), đạt 24,7% KH⁵. Hoàn thiện và trình UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tuần Giáo.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thăm dò, khai thác vận chuyển và tiêu thụ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và san lấp, cải tạo mặt bằng trên địa bàn huyện⁶.

- Thực hiện cấp giấy chứng nhận QSD đất và tài sản gắn liền với đất cho 166 hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất cho 02 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 150 m²; gia hạn quyền sử dụng đất nông nghiệp cho 122 trường hợp; xác nhận thế chấp, xóa thế chấp giao dịch bảo đảm cho 234 trường hợp.

- Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu đất Kho lương thực (cũ), khối Trường Xuân, thị trấn Tuần Giáo (Lần 5) thu, nộp ngân sách 1,29 tỷ đồng.

4. Các ngành dịch vụ

- Thương mại dịch vụ khá sôi động, hàng hóa đa dạng phong phú đáp ứng nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của nhân dân.

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 62 lượt hộ gia đình và 02 lượt HTX với tổng số vốn 26.110 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 95 lao động. Thành lập 02 Hợp tác xã dịch vụ mắc ca tại xã Quài Nưa và Quài Cang với 509 hộ tham gia⁷.

- Hoạt động bưu chính - viễn thông được duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công văn, thư, báo được chuyển phát kịp thời, bảo đảm mạng lưới thông tin thông suốt, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính được đẩy mạnh.

5. Tài chính – Ngân hàng

5.1. Hoạt động tài chính

- Tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách, đặc biệt là tăng cường các giải pháp đẩy nhanh thu ngân sách trên địa bàn. Tổng thu ngân sách địa phương đạt 409.226 triệu đồng, đạt 57,2% dự toán; trong đó thu trên địa bàn ước đạt 22.920 triệu đồng, đạt 42,4% dự toán.

- Các khoản chi ngân sách thực hiện tiết kiệm, đúng chính sách, các khoản chi đột xuất cho các nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh và an sinh xã hội. Tổng chi ngân sách đạt 348.363 triệu đồng, đạt 48,7% dự toán.

5.2. Hoạt động ngân hàng

⁵ Thực hiện theo Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh về rà soát, hoàn chỉnh việc giao đất, giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn năm 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

⁶ Đã kiểm tra được 03 xã: Mường Khong, Nà Sáy, Chiềng Đông; qua kiểm tra đã phát hiện và tạm giữ 01 đầu máy nổ hút cát tại xã Mường Khong.

⁷ Hiện đang hướng dẫn các hộ dân tại xã Quài Nưa phát dọn thực bì, cuốc hố và hoàn thành việc đo đạc đất đai tại xã Quài Cang.

Các ngân hàng đã chủ động về nguồn vốn để đầu tư tín dụng góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Cụ thể:

- Ngân hàng Chính sách xã hội có tổng nguồn vốn tín dụng: 642,1 tỷ đồng, tổng dư nợ: 606,6 tỷ đồng, nợ quá hạn chiếm 0,14% tổng dư nợ.

- Ngân hàng No&PTNT có tổng nguồn vốn huy động đạt 587 tỷ đồng; tổng dư nợ đạt 681 tỷ đồng, nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ.

- Ngân hàng Bru điện Liên Việt (phòng giao dịch Tuần Giáo) có tổng nguồn vốn huy động: 127 tỷ đồng; tổng dư nợ: 99 tỷ đồng.

- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (chi nhánh huyện Tuần Giáo) có tổng nguồn vốn huy động: 130 tỷ đồng; tổng dư nợ: 230 tỷ đồng.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Về Giáo dục - Đào tạo

- Chỉ đạo ngành giáo dục, phối hợp với chính quyền các xã, thị trấn huy động và duy trì sĩ số học sinh với tổng số học sinh cuối năm đạt 27.709 học sinh (gồm: 8.134 trẻ mầm non, 10.391 học sinh tiểu học, 6.912 học sinh THCS, 2.272 học sinh THPT và 99 học viên bổ túc THPT), đạt 101% KH. Triển khai có hiệu quả kế hoạch tổ chức dạy học, giáo dục thích ứng tình hình dịch Covid-19, phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021-2022 và đạt kết quả cao với 100% trẻ mầm non được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: 99,87% (vượt chỉ tiêu kế hoạch giao 0,07%). Nghiên cứu nội dung, đề xuất lựa chọn sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và tham dự các kỳ thi đạt kết quả cao⁸. Đề nghị Sở GD&ĐT tổ chức thẩm định các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia đối với 6 đơn vị trường học, đạt 100% KH. Tổ chức làm việc với các Đoàn công tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁹.

⁸ Tổ chức thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp huyện: 172/342 học sinh tham gia dự thi đạt giải gồm: 04 giải Nhất, 33 giải Nhì, 28 giải Ba, 07 giải Khuyến khích.

Tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS cấp tỉnh: 3/3 dự án tham gia dự thi đạt giải gồm 02 giải Nhì và 01 giải Ba.

Tham gia kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh: 47/79 học sinh tham gia dự thi đạt giải, trong đó: giải Nhì: 08 giải, giải Ba: 16 giải, KK: 23 giải.

Tổ chức Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên, Nhi đồng huyện Tuần Giáo năm 2022 với 59 dự án và 90 học sinh tham gia; kết quả có 30 dự án đạt giải (05 giải A, 05 giải B, 10 giải C, 10 giải khuyến khích).

⁹ Gồm: Đoàn kiểm tra nhiệm vụ giáo dục Tiểu học tại tỉnh Điện Biên năm 2022 của Vụ giáo dục Tiểu học - Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đoàn khảo sát xây dựng Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo (3-4 tuổi), nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đề án hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó giai đoạn 2023-2030 của Vụ Giáo dục mầm non - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ đạo Trung tâm GDNN-GDTX rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, biên soạn giáo trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 666 học viên, đạt 60% KH. Duy trì 01 lớp Trung cấp công tác xã hội với 25 học viên và 01 lớp tiếng dân tộc Mông với 65 học viên. Phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Điện Biên tuyển sinh và đào tạo 02 lớp Trung cấp nghề với 51 học viên (gồm: Tin học văn phòng với 28 học sinh và kế toán doanh nghiệp với 23 học sinh).

2. Về Văn hoá - Thông tin, thể dục thể thao và Truyền thanh - Truyền hình

- Tổ chức tuyên truyền lưu động được 76 buổi, bảo đảm truyền dẫn phát sóng 18 giờ/ngày, sản xuất 643 tin, 474 bài phát qua hệ thống loa truyền thanh nhân dịp các ngày lễ, tết¹⁰; đưa tin, phản ánh đầy đủ các sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội diễn ra trên địa bàn huyện. Hoàn thiện Đề án tổ chức kỉ niệm 70 năm Ngày giải phóng huyện Tuần Giáo (20/11/1952 – 20/11/2022). Duy trì phát sóng Chuyên mục: “*Cùng chung tay phòng chống dịch bệnh Covid-19*” và Chuyên mục “*Nhà nông cần biết*” vào thứ 5 tuần thứ 3 hàng tháng.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao theo từng thời điểm, bảo đảm các quy định về phòng, chống dịch Covid-19. Chỉ đạo hoàn thành tổ chức Đại hội TDTT cấp cơ sở; tổ chức thành công Đại hội TDTT huyện Tuần Giáo lần thứ IX, năm 2022 với trên 700 VĐV tham gia. Tổ chức "Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam" tại 03 trường học¹¹. Tham gia Giải bóng chuyền đoàn kết Công - Nông - Binh tỉnh Điện Biên lần thứ 38, năm 2022 (*kết quả: đạt huy chương vàng và đạt giải phong cách thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa*); thành lập Đoàn tham gia Lễ hội Hoa Ban năm 2022 tỉnh Điện Biên và Đại hội TDTT tỉnh Điện Biên lần thứ XI, năm 2022 (*kết quả đạt 04 huy chương vàng, 05 huy chương bạc, 07 huy chương đồng, giải ba toàn đoàn khối các huyện vùng thấp*). Công tác bảo tồn, phát huy giá trị của các di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm chỉ đạo¹².

- Triển khai Kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động cơ quan Nhà nước năm 2022: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành được triển khai liên thông từ

¹⁰ Các nội dung tuyên truyền về: Tết dương lịch 2022, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Tết Nguyên đán Nhâm Dần, Lễ hội Hoa Ban năm 2022; Đại hội TDTT huyện Tuần Giáo lần thứ IX, ngày giải phóng Miền Nam và ngày Quốc tế lao động 1/5, Đại hội TDTT tỉnh Điện Biên lần thứ XI, năm 2022, Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5), ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), phòng chống thiên tai, các văn bản của UBND tỉnh và UBND huyện về phòng, chống dịch Covid-19,...

¹¹ Gồm: Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Pú Xi, Trường Tiểu học Mường Mùn

¹² Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường quản lý, giữ nguyên hiện trạng đối với các di tích đã được xếp hạng trên địa bàn huyện. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch khoanh vùng, cắm mốc, đề xuất triển khai các dự án bảo tồn, tôn tạo, tu bổ, phục dựng 03 điểm di tích thuộc Di tích Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ trên địa bàn huyện gồm: Đèo Pha Đin, Diêm tập kết hậu cần tại ngã ba Tuần Giáo, Hang Thảm Púa. Tăng cường bảo tồn, gìn giữ, phát huy văn hóa phi vật thể cùng các nét văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số chủ yếu trên địa bàn huyện.

huyện đến cấp xã, tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi đạt trên 95%; tỷ lệ văn bản không mật do UBND huyện phát hành dưới dạng điện tử đạt 100%; 100% các cơ quan Nhà nước trên địa bàn từ huyện đến cơ sở thực hiện ký số. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tại phòng họp UBND huyện và 19 xã được duy trì, thông suốt...

- Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện, đến nay đã có 18.330/19.245 hộ gia đình đăng ký danh hiệu gia đình văn hóa; 170/177 bản, khối phố đăng ký đạt danh hiệu văn hóa; 15/18 xã đăng ký đạt văn hóa nông thôn mới; thị trấn đăng ký đạt văn minh đô thị và 131/131 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký đạt chuẩn văn hóa năm 2022.

3. Công tác y tế - dân số

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo các cấp, hướng dẫn của Sở Y tế về công tác phòng, chống dịch Covid-19. Bảo đảm dụng cụ phòng hộ, vật tư y tế, thuốc... cho phòng chống dịch theo phương châm "4 tại chỗ". Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn về cách ly, chăm sóc và điều trị người nhiễm Covid-19 tại nhà. Phát hiện và điều trị cho 9.758 bệnh nhân nhiễm Covid-19.

- Triển khai tiêm chủng vắc xin Covid-19 cho 48.244 người (lũy kế đã tiêm vắc xin Covid-19 cho 175.134 lượt người¹³), đạt 97% lượng vắc xin được cấp và không có trường hợp phản ứng nặng sau tiêm.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ trực cấp cứu, khám chữa bệnh với tổng số lần khám bệnh là 23.639 lượt người, điều trị nội trú cho 3.686 lượt bệnh nhân, điều trị ngoại trú cho 274 lượt bệnh nhân. Các Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được triển khai theo kế hoạch. Tổ chức kiểm tra hàng giả, hàng kém chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm tại 830 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh và bếp ăn tập thể của 29 đơn vị trường học (tiến hành test 185 mẫu và nhắc nhở 03 cơ sở chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm); kiểm tra 34 cơ sở hành nghề y tư nhân – dược, hóa mỹ phẩm (nhắc nhở 22 cơ sở đảm bảo tuân thủ các điều kiện theo quy định).

- Triển khai hiệu quả các chương trình, hoạt động và các chính sách về Dân số như: Tầm soát các dị dạng, dị tật bẩm sinh; kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính; truyền thông về Dân số; cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình...

- Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em luôn được quan tâm, triển khai¹⁴. Tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì trẻ em năm 2022. Vận động 60 cơ quan, đơn vị đóng góp Quỹ Bảo trợ trẻ em năm 2022 được 200 triệu đồng.

¹³ Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho đối tượng trên 18 tuổi đạt 98,3%; Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cho đối tượng trên 18 tuổi đạt 93,9%; Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 3 cho đối tượng trên 18 tuổi đạt 89,6%; Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1/đối tượng từ 12 đến 18 tuổi đạt 98,6%; Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cho đối tượng 12 đến 18 tuổi đạt 92%; Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho đối tượng 5 đến 12 tuổi đạt 59,8%; Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cho đối tượng 5 đến 12 tuổi đạt 5,1%.

¹⁴ Chi hỗ trợ quà Tết năm 2022 cho 23 trẻ em mồ côi huyện Tuần Giáo đang sinh sống tại Làng trẻ em SOS Điện Biên (kinh phí 02 triệu đồng). Hỗ trợ 01 trẻ em bị tai nạn thương tích khám và điều trị tại viện bỏng

4. Về bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

4.1. Về xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn căn cứ kết quả giảm nghèo năm 2021, chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2022 chi tiết, cụ thể, bảo đảm phù hợp, khả thi và triển khai thực hiện.

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội bảo đảm đúng quy định¹⁵.

4.2. Về phòng, chống tệ nạn xã hội và lao động, việc làm

- Triển khai đồng bộ, lồng ghép các hoạt động phòng chống HIV/AIDS như: Thông tin, truyền thông, giám sát, can thiệp giảm hại, hỗ trợ dự phòng lây truyền mẹ con... Duy trì tốt công tác điều trị thay thế nghiện các dạng thuốc phiện bằng Methadone cho 420 đối tượng.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, liên kết mở rộng thị trường lao động trong và ngoài tỉnh; tạo việc làm mới cho 569 lao động, đạt 56% KH. Hỗ trợ tiền vé xe cho 42 lao động về nghỉ Tết nguyên đán với tổng kinh phí 37,8 triệu đồng. Phối hợp với Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên, Công ty TNHH May Tinh Lợi tổ chức tuyên truyền, tư vấn việc làm cho trên 200 người lao động.

Quốc gia Hà Nội và hỗ trợ cho gia đình 7 trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích, dịch bệnh (5 trẻ do đuối nước, 01 trẻ do mắc Covid-19 và 01 trẻ do ngã) với tổng kinh phí 9 triệu đồng. Nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 01/6, tặng quà cho 418 trẻ em mồ côi, khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng, 45 Trường Mầm non, Tiểu học, 20 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có thành tích vươn lên trong học tập với tổng kinh phí 183,4 triệu đồng. Khen thưởng cho 113 em học sinh có thành tích xuất sắc trong các Cuộc thi, Hội thi năm học 2021-2022 cấp huyện, Cấp tỉnh; tặng quà cho 02 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tham gia Chương trình Cặp lá yêu thương tại huyện Tuần Giáo với tổng kinh phí 25,8 triệu đồng. Tổ chức các lớp năng khiếu hè cho thanh thiếu niên, nhi đồng của huyện. Phối hợp với đoàn công tác Trung tâm II thuộc Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam, Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh tổ chức khám sàng lọc cho 170 trẻ em khuyết tật tại Trung tâm Y tế huyện; Phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh tiếp nhận và hỗ trợ chăn + áo ấm cho 147 trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn huyện. Phối hợp với Tổ chức trẻ em Rừng Xanh: Hỗ trợ xây dựng Nhà ở cho 4 gia đình trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với kinh phí 280 triệu đồng; hỗ trợ nhu yếu phẩm cho 23 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi Covid19 với tổng số tiền 48,3 triệu đồng; hỗ trợ 2 hộ gia đình 2 con bỏ giống tại xã Quài Tở và Quài Cang với kinh phí 30 triệu đồng...

¹⁵ Chính sách người có công: Chi trả chế độ cho 95 đối tượng người có công; chi trả chế độ mai táng phí cho 53 người hoạt động kháng chiến, cựu chiến binh, dân công hỏa tuyến. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà 368 người có công và thân nhân người có công nhân dịp Tết Nguyên đán. Trích Quỹ hoạt động Chữ thập đỏ tổ chức thăm hỏi, tặng quà 500 hộ nghèo và nạn nhân chất độc màu da cam với kinh phí 150 triệu đồng. Cấp thẻ BHYT cho 416 người hưởng trợ cấp hàng tháng, cựu chiến binh, người có công hưởng trợ cấp 01 lần huân, huy chương...

Chính sách bảo trợ xã hội: Trợ cấp xã hội hàng tháng cho 1.800 đối tượng bảo trợ xã hội. Hỗ trợ 84,975 tấn gạo cho 1.237 hộ (5.665 khẩu) hộ nghèo không có khả năng ăn tết; phân bổ 138.045 kg gạo đối giá hạt cho 1.094 hộ nghèo với 9.203 nhân khẩu. Tổ chức cấp 138,045 tấn gạo cứu đói giá hạt năm 2022 (từ Cục dự trữ Quốc gia) cho 1.904 hộ (9.203 khẩu) thuộc hộ nghèo thiếu đói về lương thực. Trợ cấp đột xuất cho 14 người chết do đuối nước, sét đánh, tai nạn giao thông và 01 nhà bị cháy với tổng kinh phí 257,6 triệu đồng. Phối hợp với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Ngân hàng TMCP BIDV tỉnh Điện Biên, Hội chữ thập đỏ tỉnh trao quà cho 330 hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần...

5. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà 167 người có uy tín nhân dịp tết Nguyên đán với kinh phí 66,8 triệu đồng. Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời 06 người uy tín ốm đau, gặp khó khăn với kinh phí 4,2 triệu đồng. Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 04/3/2022 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội huyện Tuần Giáo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường quản lý, nắm chắc tình hình hoạt động của các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo trên địa bàn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động tôn giáo. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà các điểm nhóm nhân dịp Lễ Noel năm 2021. Tổ chức tập huấn công tác tôn giáo và quản lý nhà nước về tôn giáo cho 69 người thuộc các cơ quan, đơn vị và chính quyền cấp xã tham gia.

III. Lĩnh vực tư pháp, thanh tra và tổ chức chính quyền

1. Công tác tư pháp

Tổ chức được 32 buổi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với 2.200 lượt người tham gia. Tổng hợp, chấm điểm và công nhận 19 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND huyện ban hành; công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành năm 2022. Tổ chức kiểm tra công tác tư pháp tại các xã: Ta Ma, Phình Sáng, Rạng Đông, Nà Tông, Mường Mùn, Pú Xi và Mùn Chung, Quài Nưa, Mường Khong và thị trấn Tuần Giáo. Cung cấp đầy đủ sổ sách, biểu mẫu hộ tịch cho các xã, thị trấn; công tác quản lý, đăng ký hộ tịch, chứng thực theo quy định¹⁶. Tổ chức hòa giải 43 vụ (trong đó: Hòa giải thành 31 vụ, không thành 12 vụ). Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn áp dụng thí điểm Bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện Luật Tiếp cận thông tin tại cơ sở (cấp huyện) và Bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ hoà giải vụ việc bạo lực gia đình tại cơ sở (tại 03 xã điểm: Quài Tở, Tỏa Tình, Chiềng Đông).

2. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Chỉ đạo triển khai 03 cuộc thanh tra theo kế hoạch¹⁷, thường xuyên chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra của

¹⁶ Đăng ký khai sinh cho 848 trường hợp; đăng ký lại việc khai sinh cho 276 trường hợp; đăng ký khai tử cho 229 trường hợp; đăng ký kết hôn cho 328 cặp; xác nhận tình trạng hôn nhân cho 333 trường hợp; nhận cha-mẹ-con cho 81 trường hợp; thay đổi cải chính hộ tịch cho 144 trường hợp... Chứng thực 17.397 việc, thu lệ phí gần 96,67 triệu đồng.

¹⁷ Gồm: Thanh tra công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán ngân sách Nhà nước cấp; chi trả chế độ và các khoản huy động, đóng góp của học sinh tại Trường Mầm non Khong Hin (đã ban hành Kết luận số 178/KL-UBND ngày 11/02/2022 của UBND huyện: Kiểm điểm rút kinh nhiệm 03 cá nhân để xảy ra sai phạm, thu hồi số tiền 17,029 triệu đồng).

Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn Thị trấn Tuần Giáo (đang tiến hành thành tra).

các cơ quan, đơn vị. Công tác phòng chống tham nhũng được quan tâm, chỉ đạo: Hoàn thành việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2021 của 299 người, đạt 100% đối tượng phải kê khai.

- Thực hiện 57 lượt tiếp công dân thường xuyên, định kỳ với 66 lượt người (cấp huyện 07 lượt với 11 người, cấp xã 50 lượt với 55 lượt người) về các nội dung: Đề nghị, phản ánh về việc tranh chấp đất đai, bồi thường GPMB, một số chế độ chính sách xã hội, thủ tục hành chính... Tiếp nhận 66 đơn đề nghị đủ điều kiện xử lý, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn giải quyết theo quy định (hiện đã giải quyết và có văn bản trả lời 56 đơn, còn 10 đơn đang tiếp tục giải quyết).

3. Tổ chức chính quyền

- Đánh giá, xếp loại việc thực hiện nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, xếp loại chính quyền cơ sở năm 2021; đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức năm 2021. Tổ chức đăng ký danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm 2022. Hoàn thành việc bồi dưỡng cho gần 400 đại biểu HĐND cấp xã và phối hợp với Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh bồi dưỡng cho 35 đại biểu HĐND cấp huyện.

- Điều động bổ nhiệm 03 lãnh đạo, quản lý của trường học; bổ nhiệm lại 01 trưởng phòng, 17 viên chức quản lý của đơn vị sự nghiệp giáo dục; thực hiện quy trình bổ nhiệm mới 01 Phó trưởng phòng. Tuyển dụng xong 46 giáo viên; triển khai quy trình tuyển dụng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp theo Phương án được Sở Nội vụ phê duyệt. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Hoàn thiện việc tự chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2021 gửi Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh. Triển khai Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) Nhà nước năm 2022, trong đó tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao các chỉ số đạt thấp; tăng cường kiểm tra, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC...

IV. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, mệnh lệnh các cấp. Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng. Tổ chức thành công Lễ giao quân năm 2022 với 159 đ/c tân binh (110 đ/c quân sự; 49 đ/c công an). Hoàn thành diễn tập chiến đấu phòng thủ tại các xã Pú Nhung, Tỏa Tình, Ta Ma (kết quả đều đạt loại giỏi) và diễn tập Ứng phó bão, lụt – Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và xã Chiềng Đông (kết quả đạt loại xuất sắc). Chỉ đạo huấn luyện cho 14 đơn vị dân quân¹⁸ và 11

Thanh tra việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính khác tại UBND xã Mùn Chung (đang tiến hành thanh tra).

¹⁸ Gồm dân quân các xã: Ta Ma, Tỏa Tình, Pú Nhung, Quài Tờ, Nà Sáy, Mường Khong, Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Phình Sáng, Rạng Đông, Quài Nưa, Quài Cang, Quài Nưa, Pú Xi.

đơn vị tự vệ¹⁹ với 553 đ/c, kết quả đều đạt loại khá; tổ chức huấn luyện 304 đ/c là dân quân năm thứ nhất và dân quân bình chủng ngành tại 03 cụm xã (Cụm 1: Pú Xi, Mùn Chung, Mùng Mùn, Nà Tông; cụm 2: Nà Sáy, Mùng Thín, Mùng Khong; cụm 3: Chiềng Sinh, Chiềng Đông), kết quả đều đạt loại khá. Tiếp nhận 114 công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương và phúc tra quân nhân dự bị bàn giao 91 công dân cho Trung đoàn 741 huấn luyện. Tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4 tại 03 xã: Quài Tở, Pú Nhung, Mùng Mùn với 180 đ/c, kết quả đạt khá. Cử 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 2 tại Quân khu II. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn cho các đối tượng do Bộ CHQS tỉnh tổ chức.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Tăng cường công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu góp phần hạn chế tình trạng di cư, xuất cảnh trái phép²⁰. Chủ động làm tốt công tác phòng ngừa, liên tục tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội²¹. Tổ chức Hội nghị gặp mặt, biểu dương người có uy tín tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác bảo đảm ANTT và phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2022 với 63 đại biểu tham gia. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn tích cực triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Chỉ đạo Công an huyện thu thập 5.841 hồ sơ cấp Căn cước công dân (CCCD), đến nay đã thu nhận 63.309 hồ sơ, đạt 94,3% số lượng người cần cấp CCCD trên địa

¹⁹ Gồm tự vệ các đơn vị: Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trung tâm Y tế, Kho bạc, Nội vụ - Bảo hiểm, Xăng dầu, BQLRPH, Ngân hàng Nông nghiệp, Bưu điện - Viễn thông, Nông trường Cao su, Đoàn thể.

²⁰ Phát hiện 01 hộ (09 khẩu) ở xã Mùng Mùn di cư đi tỉnh Đăk Nông; 01 hộ (06 khẩu) di cư đi tỉnh Đăk Nông từ năm 2013 nay quay trở về bản Gia Bọp xã Mùng Mùn; tuyên truyền, vận động được 05 hộ (22 khẩu) từ bỏ ý định di cư.

Tổ chức xác minh 16 trường hợp đề nghị cấp hộ chiếu; 85 lượt trường hợp không được phía nước ngoài cho cư trú. Phát hiện 32 trường hợp xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc quay trở về địa phương, lập hồ sơ, làm rõ động cơ, mục đích, xử phạt vi phạm hành chính đối với 06 trường hợp, nộp ngân sách Nhà nước 13 triệu đồng. Quản lý, giám sát hoạt động của 09 lượt đoàn (có 18 người nước ngoài) và 12 người quốc tịch nước ngoài đến làm việc, thăm thân, du lịch tại địa bàn.

²¹ Tội phạm về hình sự: Phát hiện 05 vụ, bắt 05 đối tượng về hành vi trộm cắp tài sản (04 vụ), đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số lô đề (01 vụ). Bắt 02 đối tượng truy nã và giao cho đơn vị thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tội phạm ma túy: Phát hiện 137 vụ, bắt 146 đối tượng về hành vi vận chuyển, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy và trồng cây thuốc phiện; thu giữ 48.943,72 g Heroin, 23.742 viên ma túy tổng hợp, 03 kg ma túy đá, phá nhỏ 41 m² trồng cây thuốc phiện.

Vi phạm pháp luật về trật tự xã hội: Phát hiện 05 vụ, 08 đối tượng về hành vi trộm cắp tài sản, đánh bạc dưới hình thức ghi số đề trái phép và chơi ba cây.

Vi phạm pháp luật về kinh tế, thương mại: Phát hiện 58 vụ, 58 đối tượng về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; kinh doanh hàng hóa quá hạn sử dụng ghi trên nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa; vi phạm quy định về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, niêm yết giá...; tang vật thu giữ 120 lọ Bemadelomg (Thuốc say xe Hàn Quốc), 08 máy khử khuẩn Wireless Electric Sdrayer (tổng giá trị hàng hóa khoảng 5.800.000 đồng), 153kg nội tạng động vật đông lạnh. Cơ quan chức năng lập hồ sơ, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 33 vụ, nộp ngân sách Nhà nước 49.000.000 đồng.

An ninh mạng: Phát hiện 02 trường hợp có hành vi đăng tải thông tin không chính thống làm ảnh hưởng đến hình ảnh, lợi ích của tổ chức, cá nhân trên mạng xã hội.

bàn; tổ chức trả 7.594 thẻ CCCD, đến nay đã tiếp nhận và trả 60.798 thẻ CCCD; cấp 14.299 tài khoản định danh điện tử cho công dân. Vận động nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ²². Tổ chức tuyên truyền và tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC)²³. Chỉ đạo tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành Luật giao thông đường bộ²⁴. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội và an toàn giao thông trước, trong và sau tết dương lịch, Tết Nguyên đán Nhâm Dần và các ngày lễ, kỷ niệm 06 tháng đầu năm 2022.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Những kết quả nổi bật

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống và kiểm soát tốt dịch Covid-19 trên địa bàn.

- Các chỉ tiêu phát triển kinh tế cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Công tác quản lý ngân sách được bảo đảm. Tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn đầu tư năm 2022 có chuyển biến tích cực.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội cơ bản đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo.

- Kỷ cương, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước từng bước được nâng lên; quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy mang hiệu quả rõ rệt.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch còn thấp: Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên mới (đạt 44,7% KH), thu ngân sách trên địa bàn (đạt 42,4% KH), tiến độ triển khai Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh còn chậm (đạt 24,7% KH)...

- Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) và tiến độ thi công của một số công trình còn chậm.

- Tình trạng một số hộ gia đình tự ý san lấp, cải tạo mặt bằng vẫn còn xảy ra ở một số xã.

²² Vận động nhân dân giao nộp 71 khẩu súng các loại, 02 kích điện đánh bắt thủy sản trái phép.

²³ Kiểm tra an toàn PCCC tại 81 cơ sở, lập biên bản 04 cơ sở không đảm bảo an toàn về PCCC. Tổ chức thực tập phương án chữa cháy tại 06 đơn vị với 108 người tham gia; tập huấn nghiệp vụ PCCC, tuyên truyền các quy định của pháp luật về PCCC tại các trường THPT trên địa bàn huyện với 1.083 người tham gia. Tuyên truyền và tổ chức cho 5.398 gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh ký cam kết đảm bảo về PCCC. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 189 đội viên PCCC cơ sở năm 2022...

²⁴ Tổ chức 07 buổi tuyên truyền Luật GTĐB với 321 người tham gia; 165 buổi tuyên truyền lưu động; phát 1.159 tờ rơi tuyên truyền; vận động các hộ gia đình tháo dỡ 650m hàng rào mở rộng hành lang đường bộ; tổ chức 10 buổi dẹp hành lang giao thông tại thị trấn Tuần Giáo... Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, nhắc nhở 3.321 trường hợp chấp hành Luật GTĐB, lập biên bản 1.659 trường hợp vi phạm, tước 06 GPLX, xử phạt hành chính 1.268 trường hợp nộp ngân sách nhà nước 780,2 triệu đồng.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo của một số cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn chưa bảo đảm, chất lượng báo cáo chưa cao.

- Tình hình trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định như: mua bán, vận chuyển ma túy qua địa bàn, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội....

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất, việc làm, thu nhập, đời sống của nhân dân.

- Giá các mặt hàng xăng, dầu, thép tăng đột biến ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện chưa được phê duyệt nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất.

- Do tình hình thời tiết mưa kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thi công một số công trình, dự án và công tác đo đạc thực địa thực hiện Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Vai trò người đứng đầu trong thực hiện chức trách nhiệm vụ ở một số cơ quan, đơn vị chưa được phát huy; thiếu sự chủ động, tích cực trong công tác tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách, địa bàn quản lý; năng lực, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, công chức còn hạn chế.

- Công tác phối hợp của cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác GPMB chưa tốt, trách nhiệm chưa cao làm chậm tiến độ thi công của một số công trình.

- Công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên – môi trường của cơ quan chuyên môn và các xã, thị trấn còn hạn chế, trách nhiệm chưa cao; công tác kiểm tra, đôn đốc nắm tiến độ để chủ động tham mưu đề xuất xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa thường xuyên, kịp thời.

Phần II

MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Để phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022, UBND huyện xác định cần triển khai thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tích cực, chủ động, quyết liệt thực hiện đồng bộ 07 nhiệm vụ trọng tâm và 07 nhóm giải

pháp chủ yếu đề ra từ đầu năm²⁵; căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ 06 tháng đầu năm chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2022 của cơ quan, đơn vị mình nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và phấn đấu hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao tại Quyết định số 4648/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Tuần Giáo. Tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng huyện Tuần Giáo (20/11/1952 – 20/11/2022).

2. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức sản xuất đảm bảo diện tích, lịch thời vụ; chú trọng đầu tư, chăm sóc, kiểm soát chặt chẽ sâu bệnh trên cây trồng và dịch bệnh trên đàn vật nuôi; chủ động xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống thiên tai. Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn và các xã đẩy nhanh tiến độ trồng cây mắc ca, trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh đảm bảo theo kế hoạch giao. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng NTM và Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2022.

3. Thường xuyên nắm bắt tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, công trình xây dựng; tăng cường công tác quản lý tiến độ, quản lý chất lượng các công trình xây dựng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân, phấn đấu giải ngân hết nguồn vốn đầu tư năm 2022. Lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành đảm bảo thời gian theo quy định. Tiếp tục phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, đầu tư vào địa bàn huyện.

4. Tiếp tục đôn đốc các xã, thị trấn tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên - môi trường. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chuyên môn và các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh về rà soát, hoàn chỉnh việc giao đất, giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn năm 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Rà soát, hoàn thiện Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 theo quy hoạch các loại đất được UBND tỉnh phê duyệt. Xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch.

5. Chi cục thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các giải pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh thu ngân sách trên địa bàn, đặc biệt đối với các sắc thuế đạt thấp, phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách HĐND huyện giao. Đề nghị các ngân hàng trên địa bàn thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn theo

²⁵ Ban hành kèm theo Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2022.

chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước. Hoàn thành và công khai quyết toán ngân sách năm 2021; xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2023.

6. Chuẩn bị tốt và phối hợp tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022. Tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã, thị trấn và các gia đình trong công tác quản lý, giám sát trẻ em trong thời gian nghỉ hè và huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, duy trì sĩ số học sinh các cấp học. Chuẩn bị đảm bảo các điều kiện khai giảng năm học 2022-2023. Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch sáp nhập các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, giai đoạn 2022-2025. Từng bước nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tổ chức đánh giá kết quả học tập chính xác, khách quan. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí PCGD, XMC tại các xã, thị trấn. Tiếp tục tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch.

7. Thông tin kịp thời, đầy đủ các sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội diễn ra trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm, đặc biệt là kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng huyện Tuần Giáo (20/11/1952 – 20/11/2022). Tích cực hoạt động đưa thông tin về cơ sở. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

8. Linh hoạt, chủ động các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính Phủ về ban hành chương trình phòng, chống Covid-19. Tuyên truyền, vận động người dân, các tổ chức, cơ quan, đơn vị không chủ quan, lơ là và nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Tổ chức tiêm chủng vắc xin Covid-19 theo chỉ đạo và kế hoạch của UBND tỉnh. Từng bước nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh, bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế, tăng cường công tác giám sát y tế cơ sở. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra ATTP các cơ sở chế biến thực phẩm, kinh doanh ăn uống trên địa bàn. Tập trung xây dựng xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã theo kế hoạch. Thực hiện tốt Chương trình tiêm chủng mở rộng, chiến lược dân số - KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ và trẻ em.

9. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn tiếp tục triển khai kế hoạch giảm nghèo năm 2022; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm khuyến khích hộ nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo, chú trọng nhân rộng các mô hình giảm nghèo, nêu gương điển hình thoát nghèo; tăng cường công tác nhận diện hộ nghèo, cập nhật chính xác thu nhập của các hộ gia đình trên địa bàn. Làm tốt công tác rà soát hộ nghèo năm 2022. Tiếp tục tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội; phát huy vai trò của đoàn viên, hội viên tham gia tuyên truyền, vận động người nghèo thoát nghèo bền vững; khuyến khích phát huy mạnh mẽ nội lực trong Nhân dân, huy động sự đóng góp tích cực của toàn xã hội vào công tác giảm nghèo.

10. Tăng cường công tác tuyên truyền về chính sách dân tộc; chủ động triển khai kịp thời các chính sách dân tộc mới khi có hướng dẫn của cấp trên. Tiếp

tục triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 04/3/2022 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội huyện Tuần Giáo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Quản lý chặt chẽ hoạt động tôn giáo trên địa bàn.

11. Triển khai công tác thanh tra, tư pháp theo kế hoạch. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý Nhà nước. Tổ chức theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực, địa bàn quản lý, làm căn cứ đánh giá xếp loại việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và phân loại cán bộ, công chức, viên chức cuối năm. Hoàn thành tuyển dụng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp năm 2022. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân; tiếp tục chủ động, kịp thời xử lý, giải quyết đơn thư của công dân, nắm chắc tình hình để giải quyết ngay từ khi mới phát sinh, không để xảy ra “điểm nóng”, phức tạp về an ninh chính trị và trật tự xã hội.

12. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường nắm tình hình liên quan đến an ninh chính trị. Tổ chức huấn luyện, diễn tập bồi dưỡng kiến thức QP & AN cho các đối tượng theo kế hoạch. Triển khai kế hoạch tuyển công dân nhập ngũ năm 2023. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn tích cực triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện kế hoạch tấn công trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết diễn ra trong 6 tháng cuối năm 2022.

13. Đẩy mạnh phát động phong trào thi đua yêu nước từ cơ sở để khơi dậy tinh thần đoàn kết, tin tưởng và khai thác tiềm lực trong xã hội, cũng như sự ủng hộ toàn thể nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp cho sự phát triển; góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022.

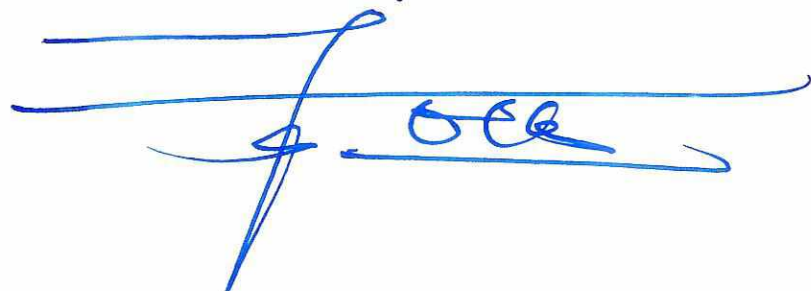
Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022 của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH & ĐT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND, LĐ. UBND huyện;
- Các cơ quan thuộc huyện;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Đức

PHỤ LỤC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Kèm theo Báo cáo số: 468 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Tuần Giáo

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7
A	Nông nghiệp					
I	Sản xuất cây lương thực					
1	Lúa cả năm					
	<i>Tổng diện tích</i>	<i>ha</i>	5.735			
	<i>Tổng Sản lượng</i>	<i>tấn</i>	18.980,5			
a	Lúa xuân:					
+	Diện tích	ha	1.090	1.100,3	100,9	
+	Năng suất	tạ/ ha	59,5	58	97,5	Thời điểm thu hoạch lúa trùng với đợt mưa lớn kéo dài làm lúa bị đổ, rụng hạt làm giảm năng suất thu hoạch
+	Sản lượng	tấn	6.485,5	6.381,7	98,4	
b	Lúa mùa:					
+	Diện tích	ha	1.745			
+	Năng suất	tạ/ ha	50			
+	Sản lượng	tấn	8.725			
c	Lúa nương:					
+	Diện tích	ha	2.900	2.800	96,6	
+	Năng suất	tạ/ ha	13			
+	Sản lượng	tấn	3.770			
2	Cây ngô:					
	<i>Tổng diện tích</i>	<i>ha</i>	6.200			
	<i>Tổng sản lượng</i>	<i>tấn</i>	18.600,5			
a	Ngô vụ xuân					
+	Diện tích	ha	6.050	5.954	98,4	Một số diện tích chuyển sang trồng sắn
+	Năng suất	tạ/ ha	30,4			
+	Sản lượng	tấn	18.375,5			
b	Ngô vụ thu					
+	Diện tích	ha	150			
+	Năng suất	tạ/ ha	15			
+	Sản lượng	tấn	225			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
II	Cây công nghiệp					
1	Cây công nghiệp ngắn ngày:					
1.1	Cây đậu tương:					
	<i>Tổng diện tích</i>	<i>ha</i>	<i>90</i>			
	<i>Tổng sản lượng</i>	<i>tấn</i>	<i>121,5</i>			
a	Đậu tương vụ xuân:					
+	Diện tích	ha	50			Diện tích trồng đậu tương, người dân chuyển sang trồng mía, dứa và sắn
+	Năng suất	tạ/ ha	13,5			
+	Sản lượng	tấn	67,5			
b	Đậu tương vụ thu:					
+	Diện tích	ha	40			
+	Năng suất	tạ/ ha	13,5			
+	Sản lượng	tấn	54			
1.2	Cây lạc:					
	<i>Tổng diện tích:</i>	<i>ha</i>	<i>190</i>			
	<i>Tổng sản lượng:</i>	<i>tấn</i>	<i>171</i>			
a	Lạc vụ xuân:					
+	Diện tích	ha	100	105	105,0	
+	Năng suất	tạ/ ha	9,0	9,0	100,0	
+	Sản lượng	tấn	90	94,5	105,0	
b	Lạc vụ thu:					
+	Diện tích	ha	90			
+	Năng suất	tạ/ ha	9			
+	Sản lượng	tấn	81			
2	Cây công nghiệp dài ngày:					
a	Cây cà phê:					
	+ Diện tích	ha	370,6	370,6	100	
	+ Sản lượng cà phê nhân	tấn	400			
b	Cây cao su					
	+ Diện tích	ha	1.291,9	1.291,9	100	
III	Chăn nuôi					
1	Tổng đàn trâu:	Con	18.696	18.660	99,8	
2	Tổng đàn bò:	Con	18.600	18.325	98,5	
3	Tổng đàn lợn:	Con	52.000	51.138	98,3	
4	Đàn gia cầm	Con	950.000	976.345	102,8	
IV	Thủy sản					

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
1	Diện tích nuôi thả	ha	295	295	100	
2	Tổng sản lượng	tấn	439,1	197,6	45	
a	Sản lượng nuôi trồng	tấn	426	193	45,3	
b	Sản lượng khai thác	tấn	13,1	4,6	35,1	
V	Lâm nghiệp		-			
1	Trồng rừng tập trung:					
-	Trồng rừng phòng hộ:	ha	80	50	62,5	
	Trong đó: - UBND huyện làm chủ đầu tư.	ha	50	50	100	
	- Ban Quản lý rừng phòng hộ làm chủ đầu tư.	ha	30			
-	Trồng rừng thay thế	ha	16,88	16,88	100	
-	Trồng cây LSNG	ha	20	20	100	
-	Trồng rừng sản xuất	ha	50	11,68	23,4	Diện tích người dân đăng ký trồng nhỏ lẻ, manh mún và không thuộc QH rừng sản xuất
-	Diện tích cây mắc ca		1.700			
	Trong đó: Trồng mới		300			Hiện đang tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tham gia; tổ chức đo đạc quy chủ, hướng dẫn người dân đào hố. Đồng thời đôn đốc, đề nghị công ty đẩy nhanh tiến độ thực hiện.
2	Khoản bảo vệ rừng	ha	42.819,2	42.819,2	100	
3	KN tái sinh rừng	ha	6.544,2	5.789	88,5	
3.1	KNTS năm thứ nhất (mới)	ha	700	313	44,7	
3.2	KNTS chuyển tiếp (năm 2,3,4,5)	ha	5.844,2	5.476,0	93,7	
	- UBND các xã	ha	5.040,6	5.040,6	100	
	- Ban QLRPH huyện	ha	803,6	435,4	54,2	368,16 ha rừng đã khép tán và đưa vào diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng
4	Độ che phủ rừng	%	38,7			

Biểu số 02

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DỊCH VỤ
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Kèm theo Báo cáo số: 468 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	$6=5/4*100$	7
A	VẬN TẢI					
1	Vận tải hành khách					
	- Hành khách vận chuyển	1000 người	136	75,0	55,0	
	- Hành khách luân chuyển	1000 ng.Km	23.658	12.500	52,84	
2	Vận tải hàng hoá					
	- Hàng hoá vận chuyển	1000 tấn	428	250	58,36	
	- Hàng hoá luân chuyển	1000 tấn.Km	19.615	11.500	58,63	
3	Sản lượng điện	MW		66.500,0		

Biểu số 03

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG VIỆC LÀM, BẢO VỆ TRẺ EM, CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Kèm theo Báo cáo số: 468 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Tuần Giáo

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7
	<u>DÂN SỐ TRUNG BÌNH</u>	<u>Người</u>	<u>92.287</u>			Cuối năm mới rà soát
I	Lao động việc làm					
1	Tổng số người trong độ tuổi LĐ	L.Động	55.464			
	<i>Tỷ lệ so với dân số</i>	%	60,1			
2	Số LĐ được tạo việc làm mới trong năm	L.Động	1.015	569	56,1	
3	Đào tạo nghề					
	- Sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng	Người	1.110	666	60	
	<i>Tr.đó: Dạy nghề cho LĐ nông thôn</i>	Người	1.110	666	60	
II	Chăm sóc và bảo vệ trẻ em					
1	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Người	691	568	82,2	
2	Tổng số TE có HCĐB, nguy cơ rơi vào HCĐB được hưởng trợ cấp tại cộng đồng	Người	862	1.943	225,4	
3	Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, TT	15			Cuối năm mới đánh giá
*	Bổ sung một số chỉ số liên quan đến Phát triển trẻ thơ toàn diện từ năm 2019					
	Số trẻ em không nơi nương tựa được nhận nuôi dưỡng tại cộng đồng	Trẻ	113	113	100	
III	Các vấn đề xã hội					
III.1	Trật tự an toàn xã hội					
	Số người được cai nghiện	Đối tượng	30			Chưa có Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về nội dung và mức chi cho công tác cai nghiện ma túy

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
III.2	Giảm nghèo					Cuối năm mới đánh giá
III.3	Bảo hiểm xã hội					
1)	Đối tượng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc	Người	4.006	4.006		
	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Người	3.941	3.638	92,3	
	<i>Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH bắt buộc</i>	%	98,4	90,81	92,3	
2)	Đối tượng thuộc diện tham gia BHXH thất nghiệp	Người	3.126	3.126		
	- Số người tham gia BHXH thất nghiệp	Người	3.075	2.918	94,9	
	<i>Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH thất nghiệp</i>	%	98,4	93,35	94,9	
3)	Đối tượng thuộc diện tham gia BHXH tự nguyện	Người	47.408	47.408		
	- Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người	2.901	2.114	72,9	
	<i>Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH tự nguyện</i>	%	6,1	4,46	72,9	

Biểu số 04

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Kèm theo Báo cáo số: 468 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Tuần Giáo

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm học 2021-2022	Kết quả thực hiện năm học 2021 -2022	So sánh KH năm học 2021-2022 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7
	SỐ HỌC SINH MN, PT CÓ MẶT ĐẦU NĂM HỌC	Người	27.441	27.709	101	
I	GIÁO DỤC MẦM NON					
1	Tổng số trẻ mầm non	Cháu	7.947	8.134	102,4	
	- Số cháu vào nhà trẻ	Cháu	2.347	2.449	104,3	
	- Số học sinh mẫu giáo	Trẻ	5.600	5.685	101,5	
	- Số trẻ 5 tuổi	Trẻ	1.955	1.940	99,2	
2	Tổng số lớp và nhóm trẻ	lớp	304	305	100,3	
	- Số nhóm trẻ	Nhóm	89	92	103,4	
	- Số lớp mẫu giáo	Lớp	215	213	99,1	
	- Số lớp 5 tuổi	lớp	121	121	100	
3	Các tỷ lệ huy động					
	- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp/dân số độ tuổi	%	77,7	79,5	102,3	
	- Tỷ lệ trẻ mầm non là nữ	%	48,4	48,4	100	
	- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	6,5	4,8	135,4	
	- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	7,3	6,1	119,7	
	- Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng tuổi ra lớp	%	51,5	53	103	
	- Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp	%	99,8	99,8	100	
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	99,8	100	100,2	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đến trường được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	%	100	100	100	
II	GIÁO DỤC PHỔ THÔNG					
	Tổng số học sinh phổ thông		19.494	19.575	100,4	
1	Tiểu học					
*	Tổng số học sinh	HS	10.357	10.391	100,3	
	- Học sinh bán trú	HS	1.868	2.233	119,5	
*	Tổng số lớp	lớp	405	405	100	
	- Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1	%	99,8	99,8	100	
	- Tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học tiểu học	%	99,7	99,7	100	
	- Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp tiểu học	%	99,7	99,7	100	
	- Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học tiểu học	%	0,3			
	- Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%	48,2	48,0	99,6	
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%				
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%	0,1	0,1	100	
	- Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học	%	99,8	100	100,2	
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học	%	99	99	100	
2	Trung học cơ sở					
*	Tổng số học sinh	HS	6.929	6.912	99,8	
	- Học sinh bán trú	HS	2.252	2.332	103,6	
*	Tổng số lớp	lớp	200	199	99,5	
	- Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên THCS		100	100	100	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm học 2021-2022	Kết quả thực hiện năm học 2021 -2022	So sánh KH năm học 2021-2022 (%)	Ghi chú
	- Tỷ lệ học sinh 11 tuổi vào lớp 6	%	98,5	98,8	100,3	
	- Tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi học THCS	%	97,5	98,7	101,2	
	- Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp THCS	%	97	98,7	101,8	
	- Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học THCS	%	3	1,3	230,8	
	- Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%	47,6	48,0	100,9	
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%	0,5	0,1	454,5	
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%	0,1	0,1	100	
	- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	99,8	99,9	100,1	
	- Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS	%	90	90	100	
3	Trung học phổ thông	%				
*	Tổng số học sinh	HS	2.208	2.272	102,9	
	Tr. đó: + Học sinh các trường DTNT		350	346	98,9	
	+ Học sinh bán trú	HS	1.060	643	60,7	
*	Tổng số lớp	lớp	59	59	100	
	- Tỷ lệ học sinh 15 tuổi vào lớp 10	%	56,6	69,8	123,3	
	- Tỷ lệ h/sinh 15-18 tuổi học THPT và tương đương	%	59,8	71,3	119,2	
	- Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	%	43,0	45,4	105,5	
	- Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số cấp trung học được học tại các trường phổ thông DTNT	%	4,3	4,3	100	
	- Tỷ lệ học sinh bỏ học	%	4,0	1,9	216,2	
	- Tỷ lệ học sinh lưu ban	%	1,0	0,9	111	
	- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	95			Chưa thi tốt nghiệp THPT
III	GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN					
	Bổ túc (TT GDNN-GDTH huyện)		1	1		
	- Số lớp bổ túc THPT	lớp	3	3	100	
	- Học sinh bổ túc THPT	H/Sinh	95	99	104,2	
IV	PHỔ CẬP GIÁO DỤC - XÓA MÙ CHỮ					
	Tổng số xã	Xã	19	19	100	
1	Số xã đạt chuẩn PC GDMN cho trẻ 5 tuổi	Xã	19	19	100	
2	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 2	Xã	19	19	100	
3	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 3	Xã	19	19	100	
4	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2	Xã	19	19	100	
5	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3	Xã	17	17	100	
6	Số xã đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2	Xã	19	19	100	
7	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ	%	98,4	90,9	92,4	
V	CƠ SỞ GIÁO DỤC + TRUNG TÂM					
1	Trường mầm non và phổ thông	Trường	65	66	101,5	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	53	55	103,8	
	'- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	"	55	55	100	
1.1	Trường Mầm non	"	24	24	100	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	19	20	105,3	
	- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	"	21	21	100	
1.2	Các trường phổ thông	"	41	42	102,4	
	Tr.đó: - Trường PT DTNT huyện	"	1	1	100	
	- Tổng số trường đạt chuẩn QG	"	34	35	102,9	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm học 2021-2022	Kết quả thực hiện năm học 2021 -2022	So sánh KH năm học 2021-2022 (%)	Ghi chú
	- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	"	34	34	100	
	- Trường PTDTBT	"	8	10	125	
a	Trường Tiểu học	Trường	20	21	105	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	19	19	100	
	- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	"	19	19	100	
	- Trường PTDTBT	"	3	4	133,3	
b	Trường THCS	"	17	17	100	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	13	14	107,7	
	- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	"	13	13	100	
	- Trường PTDTBT	"	5	6	120,0	
c	Trường THPT	"	4	4	100	
	Tr. đó: - Trường đạt chuẩn Quốc gia	"	2	2	100	
	- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	"	2	2	100	
2	Các Trung tâm					
	Trung tâm GDNN-GDTX	"	1	1	100	
	Trung tâm học tập cộng đồng	"	19	19	100	
VI	Các chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số					
1	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học (%)	%	99,8	99,8	100	
2	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)	%	99,8	99,8	100	
3	Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi (%)	%	96,2	96,2	100	
4	Tỷ lệ nữ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi (%)	%	92,2	92,2	100	
5	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở cấp tiểu học, THCS, THPT (%)	%	48,3	47,7	98,8	
VII	Bổ sung một số chỉ số liên quan đến Phát triển trẻ thơ toàn diện					
1	Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non được tập huấn về tư vấn dinh dưỡng và tâm lý cho trẻ	Người	455	559	122,9	
2	Số nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn	Người	30	2	6,7	Do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên chưa mở lớp, hiện đã xây dựng kế hoạch và sẽ tổ chức mở lớp trong thời gian tới
3	Số điểm trường mầm non có nhà vệ sinh hợp vệ sinh	Điểm trường	96	96	100	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm học 2021-2022	Kết quả thực hiện năm học 2021 -2022	So sánh KH năm học 2021-2022 (%)	Ghi chú
4	Số điểm trường mầm non có nguồn nước sử dụng hợp vệ sinh	Điểm trường	96	96	100	
5	Số nhóm/lớp mầm non có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định	Điểm trường	283	275	97,2	
6	Số điểm trường mầm non có 05 loại đồ chơi ngoài trời trở lên trong danh mục quy định	Điểm trường	85	112	131,8	

Biểu số 5

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Kèm theo Báo cáo số: 468 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Tuần Giáo

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7
A	Chỉ tiêu hoạt động:					
1	Tỷ lệ TE<1 tuổi TCĐĐ các loại Vắc xin	%	95	38,8	40,8	Hàng năm thường số trẻ em sinh ra và công tác tiêm vắc xin tập trung vào cuối năm
2	Tỷ lệ PN đẻ được khám thai 4 lần/3 kỳ thai nghén (TT37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019, hiệu lực từ 01/4/2020)	%	65,9	73,0	110,8	
	Tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ thai nghén	%	64,5	72,8	112,9	
3	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng UV2+	%	94,1	37	39,3	Do triển khai tiêm vắc xin Covid-19
4	Tỷ suất tử vong TE dưới 1 tuổi	‰	20,7	6,7	309	
	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi trên 1000 trẻ DTTS đẻ sống	‰	21,8	6,9	315,9	
5	Tỷ suất tử vong TE dưới 5 tuổi	‰	26,6	20,1	132,3	
	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi trên 1000 trẻ DTTS đẻ sống	‰	28,0	20,6	135,9	
6	Tỷ lệ trẻ sơ sinh dưới 2500 gr	%	4,3	3,0	143,3	
7	Tỷ lệ trẻ nhỏ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%	33,3	34,4	103,3	
8	Tỷ lệ TE dưới 5 tuổi SDD (cân nặng/tuổi)	%	15,2	14,9	102	
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi	%	15,9	15,8	100,6	
9	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	30,1	30,2	99,7	
10	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ DTTS được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ	%	77,5	77,3	99,7	
B	Cơ sở cung cấp dịch vụ y tế					
	Tuyên huyện, xã		20	20	100	
1	TTYT các huyện (thực hiện đa chức năng)	BV	1	1	100	
2	Phòng khám đa khoa khu vực	PK				
3	Trạm y tế xã, thị trấn	Trạm	19	19	100	
4	Tỷ lệ xã có trạm y tế (có tổ chức bộ máy trạm y tế)	%	100	100	100	
C	Tổng số giường bệnh toàn huyện	Giường	312	312	100	
	<i>Trong đó: Giường Quốc lập</i>	<i>Giường</i>	<i>255</i>	<i>255</i>	<i>100</i>	
	<i>Tỷ lệ giường bệnh Quốc lập /vạn dân</i>	<i>1/10.000</i>	<i>27,6</i>			
	Giường bệnh tuyến tỉnh	Giường	20	20	100	
	Khu điều trị bệnh nhân phong	Giường	20	20	100	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
	Giường bệnh TTYT huyện:	Giường	235	235	100	
	Giường bệnh Bệnh viện huyện	Giường	235	235	100	
	Giường bệnh PKĐKKV	Giường				
	Giường bệnh trạm y tế xã (3 giường lưu/trạm)	Giường	57	57	100	
D	Nhân lực y tế:					
	Tỷ lệ Bác sỹ/ vạn dân	1/10.000	8,24	7,7	94	
	Tỷ lệ Dược sỹ đại học/ vạn dân	1/10.000	1,84	1,97	107	
	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động	%	100	100	100	
	Tỷ lệ xã có NHS hoặc YSSN	%	94,7	100	106	
	Tỷ lệ bản có Nhân viên y tế thôn bản	%	65,9	61,0	93	
E	Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã					
	Xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã 2011-2020	Xã	17	15	88	
	Tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	89,5	78,9	88	
F	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình					Cuối năm thống kê
G	Số người tham gia Bảo hiểm y tế	Người	91.364	91.051	99,7	
	- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	%	99,0			

Biểu số 06

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ, THỂ THAO NĂM 2022

Kèm theo Báo cáo số: 468 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Tuần Giáo

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7
A	Lĩnh vực Văn hóa - Gia đình					
I	Phong trào toàn dân đoàn kết XD đời sống văn hóa					Cuối năm mới tổ chức bình xét
II	Lĩnh vực gia đình					
1	Số BCĐ mô hình PCBLGD được thành lập tại các xã, thị trấn (nhân rộng mô hình PCBLGD)	BCĐ	19	19	100	
	Tỷ lệ xã, thị trấn có ban chỉ đạo mô hình phòng chống bạo lực gia đình	%	100	100	100	
2	Số CLB gia đình phát triển bền vững tại các khối, bản.	CLB	163	161	98,8	
	Tỷ lệ khối, bản có câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững	%	92,1	91,0	98,8	
3	Tỷ lệ gia đình được tuyên truyền phổ biến các luật có liên quan đến lĩnh vực gia đình	%	100	100	100	
III	Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở					
1	Nhà văn hóa huyện	Nhà	1	1	100	
2	Nhà thư viên	Nhà	1	1	100	
	Tổng số xã, thị trấn	Xã, TT	19	19		
3	Số xã, thị trấn có Nhà văn hóa, thể thao	Xã, TT	13	13	100	
	Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà VH-TT	%	68,4	68,4	100,0	
4	Số khối, bản có nhà văn hóa và điểm sinh hoạt cộng đồng	Khối, bản	68	62	91,2	
	Tỷ lệ khối, bản có nhà văn hóa và điểm sinh hoạt cộng đồng	%	38,4	35,0	91,2	
B	Lĩnh vực Thể dục, thể thao					
	Thể thao quần chúng					
1	Số người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao	Người	29.984	30.100	100,4	
	Tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên ít nhất 01 môn thể thao trong tổng dân số toàn huyện	%	31,0			
2	Số gia đình được công nhận gia đình thể thao	Gia đình	3.734	3.734	100	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	So sánh với KH năm 2022 (%)	Ghi chú
	<i>Tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình thể thao trong tổng số hộ gia đình toàn huyện</i>	%	20			
3	Số câu lạc bộ thể thao cơ sở	CLB	61	62	101,6	

PHỤ LỤC II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 46/B/C-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Thuận Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022	Giá trị khối lượng thực hiện 6 tháng	Giá trị giải ngân 6 tháng	Khối lượng (thi công) thực hiện so với KH vốn giao (%)	Khối lượng giải ngân so với KH vốn giao (%)	Ước giải ngân đến 31/12/2022	Ghi chú
		3	4	5	6	7	8	9
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	76.084,4	34.348,9	52.371,1	45,1	68,8	76.071,8	
1	Vốn NSTW	15.000,0	5.000,0	14.000,0	33,3%	93,3%	15.000,0	Biểu số 01
2	Vốn cân đối ngân sách địa phương (tỉnh quản lý)	20.850,4	5.713,0	18.041,5	27,4%	86,5%	20.837,8	Biểu số 01
3	Vốn cân đối ngân sách địa phương (huyện quản lý)	22.234,0	21.679,9	14.329,6	97,5%	64,4%	22.234,0	Biểu số 02
4	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	18.000,0	1.956,0	6.000,0	10,9%	33,3%	18.000,0	Biểu số 03

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH QUẢN LÝ) 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 465/BC-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Tuấn Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Giá trị khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ước giải ngân đến 31/12/2022	Ghi chú
					6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế KL từ khởi công	6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế giải ngân từ khởi công		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG		282.553,3	35.850,4	10.713,0	165.337,5	32.041,5	162.586,9	35.837,8	-
A	Nguồn vốn ngân sách trung ương		45.000,0	15.000,0	5.000,0	11.573,0	14.000,0	14.455,0	15.000,0	
1	Trường THCS thị trấn Tuấn Giáo, tỉnh Điện Biên	TT Tuấn Giáo	45.000,0	15.000,0	5.000,0	11.573,0	14.000,0	14.455,0	15.000,0	
B	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương		237.553,3	20.850,4	5.713,0	153.764,5	18.041,5	148.131,9	20.837,8	
1	Đường từ bản Hồng Lực, xã Nà Sáy - bản Co Đưa xã Mường Khong, huyện Tuấn Giáo	Xã Nà Sáy + xã Mường Khong	12.000,0	6.800,0		7.000,0	6.800,0	7.000,0	6.800,0	LG CNSĐP huyện 3 tỷ
2	Đường từ bản Co Đưa - TT xã Mường Khong, huyện Tuấn Giáo	Xã Mường Khong	7.500,0	2.969,0	2.213,0	7.189,0	2.969,0	2.969,0	2.969,0	LG NSH 694tr, 275 3.837tỷ
3	Đường trung tâm xã Tênh Phong (Km1+967) - bản Thảm Nặm, huyện Tuấn Giáo	xã Tênh Phong	14.000,0	7.000,0	3.500,0	5.716,3	5.416,3	5.516,3	7.000,0	LG Nông thôn mới 7 tỷ
4	Kè khu lán trường và khu dân cư khối Sơn Thủy thị trấn Tuấn Giáo, huyện Tuấn Giáo	TT Tuấn Giáo	4.535,0	233,8		4.137,0	233,8	4.137,0	233,8	Chi sau Quyết toán

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Giá trị khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ước giải ngân đến 31/12/2022	Ghi chú
					6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế KL từ khởi công	6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế giải ngân từ khởi công		
5	Trụ sở xã Tòa Tỉnh huyện Thuận Giáo	Xã Tòa Tỉnh	7.300,0	34,4	7.004,0	34,4	7.004,0	34,4	Chi sau Quyết toán	
6	Trường THCS xã Nà Sáy, huyện Thuận Giáo	Xã Nà Sáy	9.200,0	322,6	8.500,8	322,6	8.500,8	322,6	Chi sau Quyết toán	
7	Đường Nậm Din - Khuá Trá huyện Thuận Giáo	Xã Phình Sáng	30.566,0	809,7	30.250,7	809,7	30.250,7	809,7	Chi sau Quyết toán	
8	Đường Phiêng Pi - Trại Phong huyện Thuận Giáo	Xã Pú Nhung	46.300,0	380,0	44.687,3	380,0	44.687,3	380,0	Chi sau Quyết toán	
9	Đường nội cụm trung tâm cụm xã Nà Sáy	Xã Nà Sáy	3.162,1	789,8	3.047,6	777,2	3.047,6	777,2	Chi sau Quyết toán	
10	Đường giao thông xã Ảng Cang, huyện Thuận Giáo	Xã Ảng Cang	4.990,2	165,1	4.311,4		4.146,2	165,1	Đang chờ phê duyệt QT	
11	Kê chống sạt lở khu dân cư khu vực thị trấn Thuận Giáo	TT Thuận Giáo	43.500,0	1.047,5	22.317,5		21.270,0	1.047,5	Đang chờ phê duyệt QT	
12	Sửa chữa đường Mường Khong, bản Huổi Nôm, huyện Thuận Giáo	Xã Mường Khong	5.000,0	27,4	4.665,1	27,4	4.665,1	27,4	Chi sau Quyết toán	
13	Trường mầm non Mường Mùn xã Mường Mùn huyện Thuận Giáo	Xã Mường Mùn	5.000,0	271,1	4.937,9	271,1	4.937,9	271,1	Chi sau Quyết toán	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (HUYỆN QUẢN LÝ) 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 468/BC-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Thuận Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Giá trị khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ước giải ngân đến 31/12/2022	Ghi chú
					6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế KL từ khởi công	6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế giải ngân từ khởi công		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG		108.000,0	22.234,0	21.679,9	41.565,8	14.329,6	31.723,6	22.234,0	
1	Hạ tầng Nhà máy xử lý rác thải huyện Thuận Giáo	TT Thuận Giáo	5.000,0	1.500,0	2.250,0	4.950,0	500,0	3.000,0	1.500,0	Điều chỉnh TMBT tại QĐ số 10/QĐ-UBND ngày 25/1/2022
2	Đường từ Ngãm Chiềng An đến Khôi Đoàn Kết	TT Thuận Giáo	40.000,0	8.700,0	10.479,9	15.175,7	8.700,0	13.060,0	8.700,0	
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	TT Thuận Giáo	18.000,0	4.500,0	5.050,0	9.740,1	2.508,7	7.042,7	4.500,0	
4	Công viên cây xanh trung tâm huyện Thuận Giáo	TT Thuận Giáo	33.000,0	6.534,0	3.900,0	8.429,8	1.620,9	5.620,9	6.534,0	
5	Đường từ bản Hồng Lược xã Nà Sáy – bản Co Đưa xã Mường Khong	Xã Nà Sáy + xã Mường Khong	12.000,0	1.000,0		3.270,2	1.000,0	3.000,0	1.000,0	LG CPNSĐP tỉnh 7ty

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 168/BC-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Thuận Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2022	Giá trị khối lượng thực hiện		Giá trị giải ngân		Ước giải ngân đến 31/12/2022	Ghi chú
					6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế KL từ khởi công	6 tháng đầu năm 2022	Lũy kế giải ngân từ khởi công		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG		27.750,0	18.000,0	1.956,0	1.956,0	6.000,0	6.000,0	18.000,0	-
*	Công trình KCM		27.750,0	14.760,0	1.956,0	1.956,0	6.000,0	6.000,0	14.760,0	-
1	Nâng cấp cầu khối Đồng Tâm + Mặt đường khối Huôi Cù, thị trấn Thuận Giáo	TT Thuận Giáo	4.600,0	3.260,0	200,0	200,0	1.000,0	1.000,0	3.260,0	
2	Nâng cấp sửa chữa đường bôn Cù, bôn Bó Giảng xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	3.600,0	1.550,0	276,0	276,0	700,0	700,0	1.550,0	
3	Nâng cấp cầu đi bôn Co Muông, xã Nà Tông	Xã Nà Tông	4.500,0	2.050,0	200,0	200,0	800,0	800,0	2.050,0	
4	Nâng cấp sửa chữa đường bôn Cán, bôn Sáng, bôn Sáo	Xã Quài Cang	3.000,0	1.500,0	200,0	200,0	650,0	650,0	1.500,0	
5	Nâng cấp sửa chữa đường bôn Háng Tàu, xã Tòa Tình	Xã Tòa Tình	2.100,0	1.500,0	330,0	330,0	750,0	750,0	1.500,0	
6	Cổng chào huyện Thuận Giáo	Xã Quài Tờ	1.800,0	1.500,0	200,0	200,0	650,0	650,0	1.500,0	
7	Hạ tầng khu đất trụ sở xã Quài tở (cũ)	Xã Quài Tờ	1.050,0	800,0	200,0	200,0	400,0	400,0	800,0	
8	Đường nội bôn Nậm đin + Háng Khứa xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	3.600,0	1.500,0	200,0	200,0	650,0	650,0	1.500,0	
9	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm OCOP	TT Thuận Giáo	3.500,0	1.100,0	150,0	150,0	400,0	400,0	1.100,0	
*	UBND Thị Trấn Thuận Giáo			3.240,0					3.240,0	